

Phụ lục 2

**BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm Quyết định số: 4452/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2021 của
Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)*

1/ Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu	Đơn vị cấp chứng chỉ (*)
1.	Tiếng Anh	- TOEFL iBT: 30 - 45 - TOEFL ITP: 450-499	Educational Testing Service (ETS)
		- TOEIC (4 kỹ năng): Nghe: 275-399; Đọc: 275-384; Nói: 120-159; Viết: 120-149.	
		IELTS Test Report Form: 4.0 - 5.0	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
		- B1 Preliminary - B1 Business Preliminary - Linguaskill: 140-159	Cambridge Assessment English
		Aptis ESOL B1	British Council (BC)
		Pearson English International Certificate (PEIC) bậc 2	Tập đoàn Giáo dục Pearson Vương quốc Anh
		VSTEP Bậc 3 (Vietnamese standardized test of English Proficiency)	Các đơn vị tổ chức thi theo quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện hành
2.	Tiếng Pháp	- TCF: 300-399 - DELF: B1 (**)	- TT Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (CIEP) - Cơ quan Giáo dục Quốc tế Pháp (FEI)
3.	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1 - TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)
4.	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) cấp độ 3	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); - Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); - Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); - Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation)

Phụ lục 2

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu	Đơn vị cấp chứng chỉ (*)
5.	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT) cấp độ N4	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
6.	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному - ТРКИ-1	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)

Ghi chú:

* Người dự tuyển đăng ký thi tại các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và cấp phép tổ chức thi theo quy định hiện hành.

** Bằng tiếng Pháp DELF được sử dụng trong tuyển sinh sau đại học không giới hạn thời hạn sử dụng.

2/ Chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: được cấp bởi các cơ sở giáo dục, đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp Quyết định cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, theo đúng mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mẫu đính kèm bên dưới).

Mặt trong mẫu chứng chỉ tiếng anh do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định:

18 cm

<p>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness</p> <p>CERTIFICATE OF PROFICIENCY</p> <p>In: _____ Level: _____</p> <p>_____</p> <p>This is to certify that</p> <p>Full name: _____ Date of birth: _____ Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam Date of Exam: _____ Overall Score: _____</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%;">Listening: _____</td> <td style="width: 50%;">Reading: _____</td> </tr> <tr> <td>Speaking: _____</td> <td>Writing: _____</td> </tr> </table> <p>Hanoi, _____</p> <p>Decision number: _____ Certificate number: _____ Reference number: _____</p>	Listening: _____	Reading: _____	Speaking: _____	Writing: _____	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ</p> <p>Ngôn ngữ: _____ Bậc: _____</p> <p>_____</p> <p>Cấp cho</p> <p>Họ và tên: _____ Ngày sinh: _____ Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Ngày thi: _____ Điểm thi: _____</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%;">Nghe: _____</td> <td style="width: 50%;">Đọc: _____</td> </tr> <tr> <td>Nói: _____</td> <td>Viết: _____</td> </tr> </table> <p>Hà Nội, ngày tháng năm _____</p> <p>HIỆU TRƯỞNG</p> <p>Số Quyết định: _____ Số hiệu: _____ Số vào sổ cấp chứng chỉ: _____</p>	Nghe: _____	Đọc: _____	Nói: _____	Viết: _____
Listening: _____	Reading: _____								
Speaking: _____	Writing: _____								
Nghe: _____	Đọc: _____								
Nói: _____	Viết: _____								